

Tên (Name): _____

02/14/09

Phụ Huynh Ký Tên: _____

Bài 14: Đinh Tiên Hoàng – Đinh Bộ Lĩnh (920-979)

Đinh Bộ Lĩnh sinh năm 920, là con ông Đinh Công Trứ, *thứ sử* Hoan Châu. Cha mất sớm, ông theo mẹ về quê ở với chú. Nhà nghèo nên phải đi chăn trâu. Khi ở ngoài đồng, ông thường rú những đứa trẻ chăn trâu khác bẻ bông lau làm cò và bày *thế trận* đánh nhau và lúc nào ông cũng là kẻ chiến thắng.

Lớn lên, ông theo giúp *sứ quân* Trần Lãm. Ông là người có *chí khí hiên ngang, cử chỉ đĩnh đạc* nên được họ Trần thương mến và cho dự phần quan trọng. Thấy ông có tài quân sự nên trước khi chết, Trần Lãm giao hết binh quyền cho ông. Ông chuyển quân về Hoa Lư và *chiêu mộ* thêm được nhiều binh sĩ, đánh dẹp được loạn Thập Nhị Sứ Quân. Vì đánh đâu thắng đó nên được binh sĩ gọi là Vạn Thắng Vương.

Năm 968, ông lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Đinh Tiên Hoàng. Ông đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư, trị vì được 12 năm.

Vua Đinh Tiên Hoàng *lưu tâm* về quân sự, mở mang về võ nghệ, đặt phép tắc trong triều, định *phẩm hàm* cho văn võ quan, phong thưởng cho người có công.

Vua Đinh Tiên Hoàng mất năm 979, thọ 59 tuổi. Hiện nay đền thờ của ông còn tại động Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Tên (Name): _____

02/14/09

Phụ Huynh Ký Tên: _____

CHÚ THÍCH

Thư sử (names of Chinese officials): Quan trông coi một hay một số quận.

Thế trận (battle Pose): Cách bố trí các lực lượng trong trận đánh.

Sứ quân (embassies or warlord): Tướng lĩnh có thế lực nổi dậy chiếm cứ một địa phương.

Chí khí (strong will): Ý muốn bền bỉ, mạnh mẽ, quyết khắc phục mọi trở ngại.

Hiên ngang (proud; haughty): Tự tin, không chịu khuất phục trước những sự đe dọa.

Cử chỉ (gesture): Cử động, biểu lộ một trạng thái.

Đĩnh đạc (Dignified and serious): Đàng hoàng và đầy tự tin.

Chiêu mộ (to recruit; to enlist): Tập hợp để tuyển chọn người tài.

Lưu tâm (to pay special attention): Chú ý một cách đặc biệt.

Phẩm hàm (Mandarins' grades): Cấp bậc của một viên quan.

Ôn Bài

- Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp được 12 sứ quân và trở thành vua Đinh Tiên Hoàng.
- Vì đánh đâu thắng đó, Đinh Bộ Lĩnh được binh sĩ gọi là Vạn Thắng Vương.
- Năm 968, ông lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Đinh Tiên Hoàng. Ông đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư, trị vì được 12 năm.

Tên (Name): _____

02/14/09

Phụ Huynh Ký Tên: _____

BÀI TẬP TRONG LỚP

Đọc bài Đinh Bộ Lĩnh cho các em bỏ dấu:

Read the story **Đà Lạt** and put correct tone marks on each word:

Lon len, ong theo giup su quan Tran Lam. Ong la nguoi co chi khi hien ngang, cu chi dinh dac nen duoc ho Tran thuong men va cho du phan quan trong. Thay ong co tai quan su nen truoc khi chet, Tran Lam giao het binh quyen cho ong. Ong chuyen quan ve Hoa Lu va chieu mo them duoc nhieu binh si, danh dep duoc loan Thap Nhi Su Quan. Vi danh dau thang do nen duoc binh si goi la Van Thang Vuong.

Các Em hãy gạch dưới các chủ từ, khoanh tròn các động từ, đóng ô các tính từ, và viết hoa các danh từ riêng trong đoạn văn sau. (Underlined the noun, the circle all the verb, a draw square all the subject words, and capitalization of individual nouns in the text after).

Đinh Bộ Lĩnh là người có chí khí hiên ngang, cử chỉ đĩnh đạc nên được họ trần thương mến và cho dự phần quan trọng. Thấy ông có tài quân sự nên trước khi chết, trần lãm giao hết binh quyền cho ông.

Tên (Name): _____

02/14/09

Phụ Huynh Ký Tên: _____

Đọc bài **Tết Đinh Bộ Lĩnh** và trả lời những câu hỏi sau đây. (Read the story **Đinh Bộ Lĩnh** and answer the following questions).

1. Đinh Bộ Lĩnh sinh năm nào?

2. Đinh Bộ Lĩnh mất năm nào?

Đặt câu với các từ ngữ sau đây:

Write a complete sentence with the following words:

- Thương mến

- Nghèo khổ

- Lễ phép

Tên (Name): _____

02/14/09

Phụ Huynh Ký Tên: _____

Bài Làm Ở Nhà

Đọc bài **Tết Đinh Bộ Lĩnh** và trả lời những câu hỏi sau đây. (Read the story **Đinh Bộ Lĩnh** and answer the following questions).

1. Khi nói đến “*tập trận cờ lau*” ta nghĩ đến ai?

2. Đinh Bộ Lĩnh là con của ai? Tại sao ông phải đi chăn trâu?

3. Ông theo giúp ai? Lý do nào ông đã nắm binh quyền?

4. Tại sao Đinh Bộ Lĩnh được gọi là Vạn Thắng Vương?

5. Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế năm nào? Niên hiệu là gì?

6. Ông đặt tên nước là gì? Đóng đô ở đâu? Và trị vì được bao nhiêu năm?

7. Ông mất năm nào? Thọ bao nhiêu tuổi?

Tên (Name): _____

02/14/09

Phụ Huynh Ký Tên: _____

Hãy chọn nghĩa thích hợp của các từ sau đây:

Select the appropriate words of the following:

- | | |
|--|--|
| _____ 1. Thương mến (to love tenderly) | A. Làm cho mỗi ngày một lớn rộng. |
| _____ 2. Mở mang (to expand) | B. Có rất ít những gì được coi là tối thiểu; túng thiếu. |
| _____ 3. Nghèo khổ (very poor) | C. Giành được phần hơn trong cuộc chiến. |
| _____ 4. Lễ phép (politeness) | D. Yêu thích gắn bó. |
| _____ 5. Chiến thắng (victory) | E. Kính trọng người trên. |

Em hãy sửa và viết đúng các từ sau đây: (misspell words need to correct)

Trí khí: _____

Hiên ngang: _____

Ngèò nà:n: _____

Chấn châu: _____

Dúp đỡ: _____

Tên (Name): _____

02/14/09

Phụ Huynh Ký Tên: _____

1. Hãy tìm từ đồng nghĩa với từ sau đây. (finding the synonyms from the following words)

- Nghèo khổ _____

2. Hãy tìm từ phản nghĩa với từ sau đây. (finding the antonym from the following words)

- Nghèo khổ _____

